

CHI NHÁNH CÔNG TY ĐẤU GIÁ
HỢP DANH TOÀN THẮNG TẠI
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 07/2023/TB-CNBD.TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----
Bình Định, ngày 09 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ XÃ PHƯỚC THÀNH, PHƯỚC NGHĨA VÀ PHƯỚC HƯNG, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định thông báo đấu giá Quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

1. Tài sản đấu giá:

- **Tên tài sản:** Quyền sử dụng đất tại Khu dân cư xã Phước Thành, Phước Nghĩa và Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- **Tổng số lô đất đưa ra đấu giá:** 97 lô đất;
- **Tổng diện tích của 97 lô đất:** 12.779,3 m²;

2. Người có tài sản đấu giá: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển Quỹ đất huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ: 381 đường Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

- **Tổng giá khởi điểm của 97 lô đất:** 47.096.000.000 đồng
(Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, không trăm chín mươi sáu triệu đồng)
- Giá khởi điểm trên chưa bao gồm các loại thuế, phí. Người trúng đấu giá có nghĩa vụ nộp lệ phí trước bạ, các loại thuế, phí sau khi trúng đấu giá và các khoản tài chính khác có liên quan theo quy định hiện hành.

(Xem chi tiết tại các phụ lục đính kèm thông báo đấu giá quyền sử dụng đất số 07/2023/TB-CNBD.TT ngày 09/6/2023)

4. Thời gian và địa điểm xem tài sản đấu giá:

- **Thời gian:** Từ ngày ra thông báo đến trước ngày tổ chức cuộc đấu giá.
- **Địa điểm:** Tại nơi có tài sản tọa lạc

Lưu ý: Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định không chịu trách nhiệm đối với trường hợp khách hàng không xem thực tế tài sản mà vẫn nộp hồ sơ và tiền đặt trước để đăng ký tham gia đấu giá.

5. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá, nộp hồ sơ và tổ chức cuộc đấu:

a. **Phiên đấu giá thứ nhất:** Tổng cộng **64 lô đất ở** gồm 29 lô tại Khu dân cư đất Làng và 22 lô tại Khu dân cư Vườn Mít, xóm 5; 09 lô tại khu dân cư lô Đẻ và 04 lô tại Khu dân cư ngõ Sáng, xóm 1 thuộc thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; cụ thể như sau:

- **Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:** Trong giờ hành chính liên tục kể từ ngày thông báo đến 16h00 ngày 28/6/2023 tại Trụ sở Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định. Địa chỉ: 162 Diên Hồng, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (không thu nhận hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá trong thời gian này tại Công ty);
- **Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:** từ 08h00 đến 16h00 ngày **29/6/2023** tại trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước và UBND xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- **Thời gian nộp tiền đặt trước và phí tham gia đấu giá:** Từ 08h00 đến 16h00 ngày **29/6/2023**;
- **Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:** vào lúc **08h00 ngày 02/7/2023 (Chủ Nhật)** tại Hội trường Nhà Văn Hóa xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

b. **Phiên đấu giá thứ hai:** Tổng cộng **13 lô đất ở** gồm 01 lô tại Khu trung tâm xã thôn An Cửu, 04 lô tại Khu gần nhà thầy Mai, thôn Quảng Nghiệp và 08 lô tại Khu dưới nhà Ông Trương Thanh Tuấn, thôn Nho Lâm, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; cụ thể như sau:

- **Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:** Trong giờ hành chính liên tục kể từ ngày thông báo đến 16h00 ngày 30/6/2023 tại Trụ sở Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định. Địa chỉ: 162 Diên Hồng, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (không thu nhận hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá trong thời gian này tại Công ty);
- **Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:** từ 08h00 đến 16h00 ngày **03/7/2023** tại trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước và UBND xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- **Thời gian nộp tiền đặt trước và phí tham gia đấu giá:** Từ 08h00 đến 16h00 ngày **03/7/2023**;
- **Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:** vào lúc **08h00 ngày 06/7/2023 (Thứ Năm)** tại Hội trường Nhà Văn Hóa xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

c. **Phiên đấu giá thứ ba:** Tổng cộng **20 lô đất ở** gồm 04 lô tại Khu trên nhà ông Võ Cử, 07 lô tại Khu sau nhà ông Lê Văn Thọ thuộc thôn Thọ Nghĩa và 09 lô tại Khu dưới ao cá Huỳnh Mai, thôn Huỳnh Mai, xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; cụ thể như sau:

- **Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:** Trong giờ hành chính liên tục kể từ ngày thông báo đến 16h00 ngày 04/7/2023 tại Trụ sở Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định. Địa chỉ: 162 Diên Hồng, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (không thu nhận hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá trong thời gian này tại Công ty);
- **Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá:** từ 08h00 đến 16h00 ngày **05/7/2023** tại trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước và UBND xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.
- **Thời gian nộp tiền đặt trước và phí tham gia đấu giá:** Từ 08h00 đến 16h00 ngày **05/7/2023**;

- Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 08h00 ngày 08/7/2023 (Thứ Bảy) tại Hội trường Nhà Văn Hóa xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

d. Trường hợp kết thúc các Phiên đấu giá trên vẫn còn các lô đất chưa đấu hết thì sẽ đấu giá liên tục cho đến khi bán hết.

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá, nộp phiếu trả giá và tiền đặt trước: 08h00 đến 16h00 thứ Tư hàng tuần tại Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện Tuy Phước.

- Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: 08h00 Thứ Bảy hàng tuần tại Hội trường Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện Tuy Phước.

Lưu ý: Không tổ chức đấu giá các lô đất vào các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết và trước, sau thời gian liền kề trong phạm vi 05 ngày đối với các ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định.

6. Tiền đặt trước tham gia đấu giá và tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá:

- Tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ được nộp riêng theo từng lô đất theo hình thức chuyển khoản vào các tài khoản của Công ty.

Cú pháp nộp tiền: [Nguyễn Văn A nộp đấu giá đất tại Khu dân cư xã]

- Thông tin tài khoản nhận tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ:

- + Chủ tài khoản: CN CT DGHD TOAN THANG TAI TINH BINH DINH
- + Tài khoản số: 1036884145 tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Quy Nhơn
- + Tài khoản số: 113002898765 tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Bình Định
- + Tài khoản số: 1023963750 tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Bình Định
- + Tài khoản số: 58010006399999 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bình Định

* Lưu ý:

- Số tiền đặt trước phải nộp và tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá cụ thể của từng lô đất căn cứ theo Phụ lục được đính kèm Thông báo đấu giá này, khách hàng nộp sai số tiền theo Thông báo của từng lô đấu đều không hợp lệ (Ví dụ: Lô đấu số 1- Khu OLK1 – Đường ĐS3 - Hướng Tây Nam – Khu dân cư đất Làng, xóm 5, thôn Cảnh An 1, xã Phước Thành có tiền đặt trước là 150.000.000 đồng và Phí mua hồ sơ là 500.000 đồng, khách hàng phải chuyển khoản vào tài khoản Công ty là 150.500.000 đồng). Trường hợp khách hàng có nhiều giấy nộp tiền, thì tổng số tiền trên các giấy nộp tiền phải bằng tổng số tiền của Thông báo cho lô đất.

- Khách hàng tham gia đấu giá có nộp đơn đăng ký hoặc Phiếu trả giá hoặc cả 2 hai đều mất phí tham gia đấu giá.

7. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá:

- Người tham gia đấu giá là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai năm 2013. Cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá không được thuộc trường hợp pháp luật quy định không được đăng ký tham gia đấu giá



theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số: 01/2016/QH14 của Quốc Hội ban hành ngày 17/11/2016 về việc đấu giá tài sản.

- Điều kiện về mối quan hệ: Những người có mối quan hệ vợ chồng, cha con, mẹ con, anh chị em ruột không được đấu giá trong cùng một lô đất. Một hộ gia đình chỉ có một cá nhân tham gia đấu giá trong cùng một lô đất.
- Điều kiện về phòng, chống dịch Covid-19: Tất cả các đối tượng đăng ký tham gia đấu giá phải tuân thủ quy định công tác phòng, chống dịch khi tham gia công tác đấu giá Quyền sử dụng đất ở. Tất cả thông tin khách hàng khai báo đều phải trung thực.

8. Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ cho mỗi lô đất theo mẫu của tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, bao gồm:

- 01 Đơn đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo mẫu do Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp Danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định phát hành (bản chính);
- 01 chứng từ nộp tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ nộp riêng từng lô đất (bản chính hoặc photo);
- 01 Giấy chứng minh nhân dân/ căn cước công dân của cá nhân tham gia đấu giá (bản photo);
- **Đối với tổ chức:** 01 bản sao chứng nhận đăng ký kinh doanh và 01 chứng minh nhân dân của người đại diện theo pháp luật

Lưu ý: Các loại giấy tờ trên **bắt riêng từng lô đất và bỏ vào thùng đựng hồ sơ Thùng số 01**

- 01 Phiếu trả giá vòng gián tiếp theo mẫu do Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định phát hành (bản chính);

Lưu ý: Phiếu trả giá được **bỏ phong bì do Công ty cung cấp, khách hàng ghi rõ họ tên trên phong bì, dán và ký tại các mép để bảo mật thông tin và bỏ vào thùng đựng phiếu trả giá Thùng số 02.**

Người đăng ký tham gia đấu giá phải có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Đối với cá nhân phải là người đứng tên trên đơn đăng ký tham gia đấu giá, nếu người khác đi thay phải có Hợp đồng ủy quyền hợp lệ, được lập thành văn bản và có cơ quan công chứng chứng thực theo quy định. Đối với người đại diện cho tổ chức phải là thủ trưởng của tổ chức, đơn vị hoặc là người đủ năng lực hành vi dân sự được thủ trưởng tổ chức, đơn vị ủy quyền tham gia đấu giá. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản có ký tên, đóng dấu của tổ chức, đơn vị.

9. Quy định về giá trúng đấu giá:

- **Giá trúng đấu giá là giá được công nhận ít nhất bằng giá khởi điểm.**

10. Hình thức, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp và đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Trả giá lên, đấu giá riêng lẻ từng lô đất.

11. Thông tin liên hệ:

- **Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng tại tỉnh Bình Định.** Địa chỉ: 162 Diên Hồng, phường Ngô Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: 0933.204.537; 0932.404.079;
- **Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Phước.** Địa chỉ: 381 đường Nguyễn Huệ, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Nơi nhận:

- Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện Tuy Phước (niêm yết, lưu);
- Niêm yết UBND xã - nơi có đất đấu giá;
- Niêm yết tại trụ sở công ty;
- Niêm yết tại nơi tổ chức đấu giá tài sản;
- KH đăng ký tham gia đấu giá;
- Lưu: VT, hồ sơ.

KT. TRƯỞNG CHI NHÁNH
PHÓ TRƯỞNG CHI NHÁNH



Lê Thị Minh Nhã



PHỤ LỤC 1
ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ
XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá: từ 08h00 đến 16h00 ngày 29/6/2023 tại trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện Tuy Phước và UBND xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 08h00 ngày 02/7/2023 (Chủ Nhật) tại Hội trường Nhà văn hóa xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

STT	Đơn vị - Lô số	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
A	XÃ PHƯỚC THÀNH							
I	Khu dân cư đất Làng, xóm 5 thôn Cảnh An 1							
	Khu OLK1 - Đường ĐS3 - Hướng Tây Nam (13m)							
1	Lô số 1	184.4	4,560,000	841,000,000	26,000,000	150,000,000	500,000	Lô góc
2	Lô số 6	139.5	4,560,000	637,000,000	20,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc
	Khu OLK1 - Đường ĐS3 - Hướng Tây Bắc (13m)							
3	Lô số 14	118.3	3,800,000	450,000,000	14,000,000	90,000,000	200,000	
4	Lô số 15	122.9	3,800,000	468,000,000	15,000,000	90,000,000	200,000	
5	Lô số 16	127.5	3,800,000	485,000,000	15,000,000	90,000,000	200,000	
6	Lô số 17	132.0	3,800,000	502,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
7	Lô số 18	136.6	3,800,000	520,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
8	Lô số 19	141.1	3,800,000	537,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	
9	Lô số 20	145.7	3,800,000	554,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	
10	Lô số 21	186.2	4,560,000	850,000,000	26,000,000	150,000,000	500,000	
	Khu OLK2 - Đường ĐS1 - Tây Bắc (13m)							
11	Lô số 1	200.1	4,560,000	913,000,000	28,000,000	150,000,000	500,000	Lô góc
12	Lô số 2	135.2	3,800,000	514,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
13	Lô số 3	137.2	3,800,000	522,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
14	Lô số 4	139.2	3,800,000	529,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
15	Lô số 5	141.2	3,800,000	537,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	
16	Lô số 6	143.2	3,800,000	545,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	
17	Lô số 7	145.2	3,800,000	552,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	
18	Lô số 8	147.2	3,800,000	560,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	
19	Lô số 9	149.1	3,800,000	567,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
20	Lô số 10	151.1	3,800,000	575,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
21	Lô số 11	153.1	3,800,000	582,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
22	Lô số 12	155.1	3,800,000	590,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	

STT	Đơn vị - Lô số	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
23	Lô số 13	157.1	4,560,000	717,000,000	22,000,000	130,000,000	500,000	
	Khu OLK3 - Đường ĐS4 - Tây Nam (13m)							
24	Lô số 13	111.3	4,560,000	508,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc
25	Lô số 18	99.0	3,800,000	377,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	
	Khu OLK3 - Đường ĐS1 - Tây Bắc (13m)							
26	Lô số 1	118.9	4,560,000	543,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc
27	Lô số 6	125.5	4,560,000	573,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc
	Khu OLK3 - Đường ĐS3 - Đông Nam (13m)							
28	Lô số 7	99.0	3,800,000	377,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	
29	Lô số 12	150.7	4,560,000	688,000,000	21,000,000	130,000,000	500,000	Lô góc
II	Khu dân cư vườn Mít, xóm 5 thôn Cảnh An 1							
	Các lô quay hướng Tây, tiếp giáp đường ĐS1 quy hoạch lộ giới 13,0m							
30	Lô số 1	84.8	4,800,000	408,000,000	13,000,000	70,000,000	200,000	Lô góc
31	Lô số 2	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
32	Lô số 3	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
33	Lô số 4	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
34	Lô số 5	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
35	Lô số 6	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
36	Lô số 7	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
37	Lô số 8	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
38	Lô số 9	90.0	4,000,000	360,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
39	Lô số 10	89.2	4,000,000	357,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
40	Lô số 11	86.2	4,000,000	345,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
41	Lô số 12	113.7	4,800,000	546,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc
	Các lô quay hướng Đông, tiếp giáp đường ĐS3 quy hoạch lộ giới 5,0m							
42	Lô số 13	138.6	4,200,000	583,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc
43	Lô số 14	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
44	Lô số 15	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
45	Lô số 16	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
46	Lô số 17	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
47	Lô số 18	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
48	Lô số 19	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
49	Lô số 20	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
50	Lô số 21	96.5	3,500,000	338,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
51	Lô số 22	127.7	4,200,000	537,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc

STT	Đơn vị - Lô số	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
III	Khu dân cư lĩ Để, xóm 1 thôn Cảnh An 1							
	Các lô quay hướng Nam, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 13,0m							
52	Lô số 1	145.1	4,500,000	653,000,000	20,000,000	120,000,000	500,000	
53	Lô số 2	172.1	5,400,000	930,000,000	28,000,000	150,000,000	500,000	Lô góc
	Các lô quay hướng Tây, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 13,0m							
54	Lô số 3	160.9	4,200,000	676,000,000	21,000,000	120,000,000	500,000	
55	Lô số 4	152.8	4,200,000	642,000,000	20,000,000	120,000,000	500,000	
56	Lô số 5	152.5	4,200,000	641,000,000	20,000,000	120,000,000	500,000	
57	Lô số 6	149.4	4,200,000	628,000,000	19,000,000	120,000,000	500,000	
58	Lô số 7	146.2	4,200,000	615,000,000	19,000,000	120,000,000	500,000	
59	Lô số 8	139.4	4,200,000	586,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
60	Lô số 9	106.1	5,040,000	535,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	Lô góc
IV	Khu dân cư ngõ Sáng, xóm 1 thôn Cảnh An 1							
61	Lô số 1	104.4	3,600,000	376,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	Lô góc
62	Lô số 2	126.7	3,000,000	381,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	
63	Lô số 3	136.0	3,000,000	408,000,000	13,000,000	80,000,000	200,000	
64	Lô số 4	144.9	3,000,000	435,000,000	14,000,000	80,000,000	200,000	
TỔNG CỘNG		8,061.3		32,479,000,000		5,930,000,000	23,600,000	

KT. TRƯỞNG CHI NHÁNH
PHÓ TRƯỞNG CHI NHÁNH



Lê Thị Minh Nhã

PHỤ LỤC 2
ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ
XÃ PHƯỚC HƯNG, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá: từ 08h00 đến 16h00 ngày 03/7/2023 tại trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện Tuy Phước và UBND xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 08h00 ngày 06/7/2023 (Thứ Năm) tại Hội trường Nhà văn hóa xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

STT	Đơn vị - Lô số	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
C	XÃ PHƯỚC HƯNG							
I	Khu trung tâm xã thôn An Cừu							
	Khu I quay hướng Nam, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 15,0m							
1	Lô số 15	95.8	6,200,000	594,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
II	Khu gần nhà thầy Mai thôn Quảng Nghiệp							
	Các lô quay hướng Bắc, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 6,0m							
2	Lô số 1	166.9	4,000,000	668,000,000	21,000,000	130,000,000	500,000	
3	Lô số 2	121.0	4,000,000	484,000,000	15,000,000	90,000,000	200,000	
4	Lô số 3	149.0	4,000,000	596,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
5	Lô số 4	142.2	4,000,000	569,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
III	Khu dưới nhà ông Trương Thanh Tuấn thôn Nho Lâm							
	Các lô quay hướng Nam, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 6,0m							
6	Lô số 1	105.3	2,000,000	211,000,000	7,000,000	40,000,000	200,000	
7	Lô số 2	102.6	2,400,000	247,000,000	8,000,000	40,000,000	200,000	Lô góc
8	Lô số 3	149.8	2,400,000	360,000,000	11,000,000	65,000,000	200,000	Lô góc
9	Lô số 4	126.0	2,000,000	252,000,000	8,000,000	50,000,000	200,000	
10	Lô số 5	126.6	2,000,000	254,000,000	8,000,000	50,000,000	200,000	
11	Lô số 6	135.2	2,000,000	271,000,000	9,000,000	50,000,000	200,000	
	Các lô quay hướng Tây, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 5,0m							
12	Lô số 7	169.3	2,000,000	339,000,000	11,000,000	65,000,000	200,000	
13	Lô số 8	182.0	2,000,000	364,000,000	11,000,000	65,000,000	200,000	
TỔNG CỘNG		1,771.7		5,209,000,000		945,000,000	3,800,000	

KT. TRƯỞNG CHI NHÁNH
PHÓ TRƯỞNG CHI NHÁNH



Lê Thị Minh Nhã

PHỤ LỤC 3
ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU DÂN CƯ
XÃ PHƯỚC NGHĨA, HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thời gian, địa điểm bán hồ sơ đăng ký, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá: từ 08h00 đến 16h00 ngày 05/7/2023 tại trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển Quỹ đất huyện Tuy Phước và UBND xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá: vào lúc 08h00 ngày 08/7/2023 (Thứ Bảy) tại Hội trường Nhà văn hóa xã Phước Nghĩa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

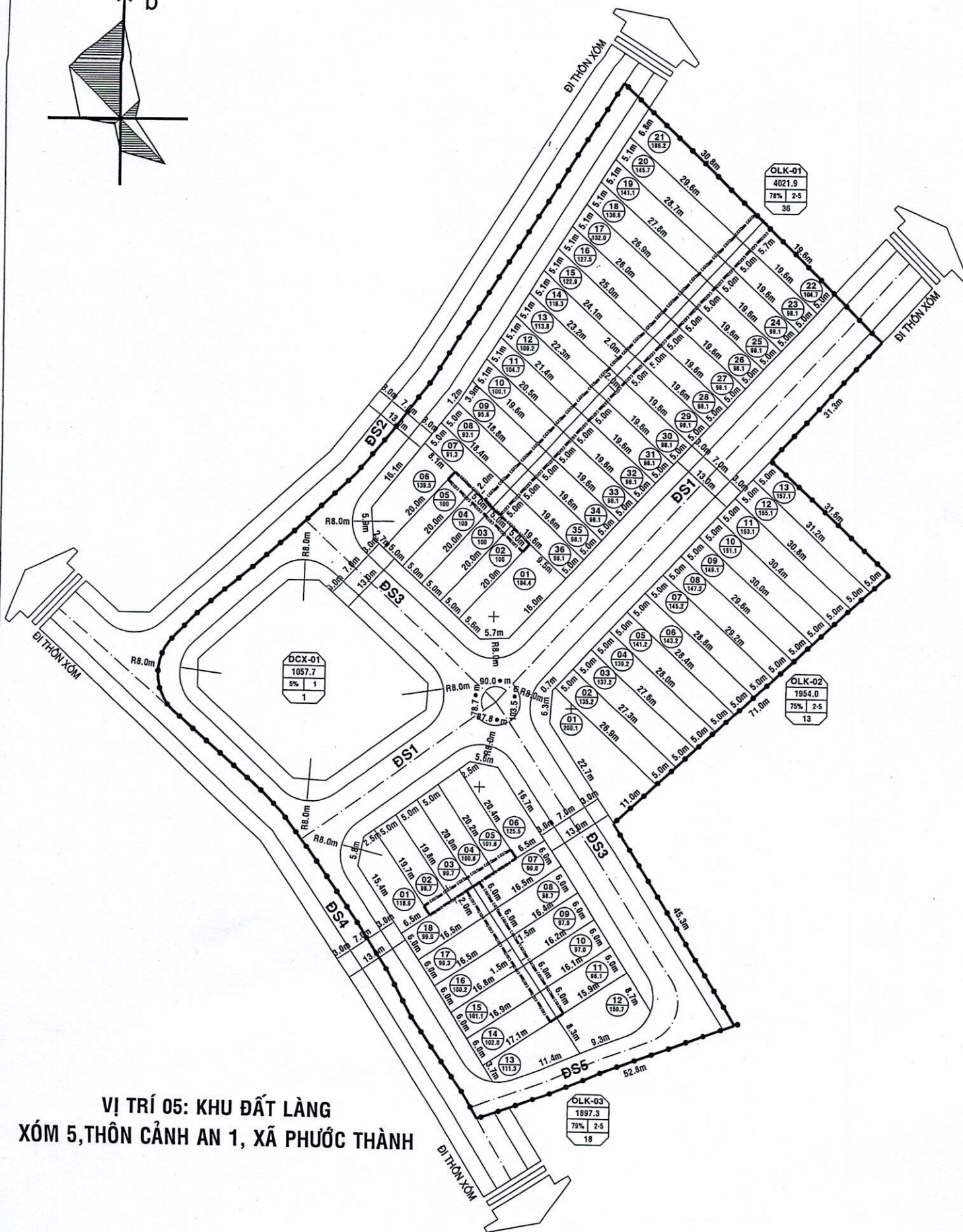
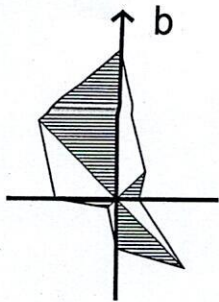
STT	Đơn vị - Lô số	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
B	XÃ PHƯỚC NGHĨA							
I	Khu trên nhà ông Võ Cử thôn Thọ Nghĩa							
	Các lô quay hướng Tây, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 5,5m							
1	Lô số 1	150.9	3,000,000	453,000,000	14,000,000	80,000,000	200,000	
2	Lô số 2	128.7	3,000,000	387,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	
3	Lô số 3	130.7	3,000,000	393,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	
4	Lô số 4	168.6	3,000,000	506,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
II	Khu sau nhà ông Lê Văn Thọ thôn Thọ Nghĩa							
	Các lô quay hướng Đông, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 5,5m							
5	Lô số 1	115.7	3,600,000	417,000,000	13,000,000	80,000,000	200,000	Lô góc
6	Lô số 2	115.1	3,000,000	346,000,000	11,000,000	60,000,000	200,000	
7	Lô số 3	116.9	3,000,000	351,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
8	Lô số 4	117.1	3,000,000	352,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
9	Lô số 5	167.9	3,600,000	605,000,000	19,000,000	120,000,000	500,000	Lô góc
	Các lô quay hướng Bắc, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 5,5m							
10	Lô số 6	117.9	3,000,000	354,000,000	11,000,000	70,000,000	200,000	
	Các lô quay hướng Nam, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 5,5m							
11	Lô số 7	103.5	3,000,000	311,000,000	10,000,000	60,000,000	200,000	
IV	Khu dưới ao cá Huỳnh Mai thôn Huỳnh Mai							
	Các lô quay hướng Tây, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 14,0m							
12	Lô số 1	175.5	4,000,000	702,000,000	22,000,000	130,000,000	500,000	
13	Lô số 2	144.4	4,000,000	578,000,000	18,000,000	100,000,000	500,000	
14	Lô số 3	138.1	4,000,000	553,000,000	17,000,000	100,000,000	500,000	
15	Lô số 4	131.8	4,000,000	528,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
16	Lô số 5	125.5	4,000,000	502,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
17	Lô số 6	168.4	4,800,000	809,000,000	25,000,000	150,000,000	500,000	Lô góc
	Các lô quay hướng Bắc, tiếp giáp đường quy hoạch lộ giới 5,0m							

STT	Đơn vị - Lô số	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Bước giá (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
18	Lô số 7	183.2	2,000,000	367,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	
19	Lô số 8	186.1	2,000,000	373,000,000	12,000,000	70,000,000	200,000	
20	Lô số 9	260.3	2,000,000	521,000,000	16,000,000	100,000,000	500,000	
TỔNG CỘNG		2,946.3		9,408,000,000		1,770,000,000	6,700,000	

KT. TRƯỞNG CHI NHÁNH
PHÓ TRƯỞNG CHI NHÁNH

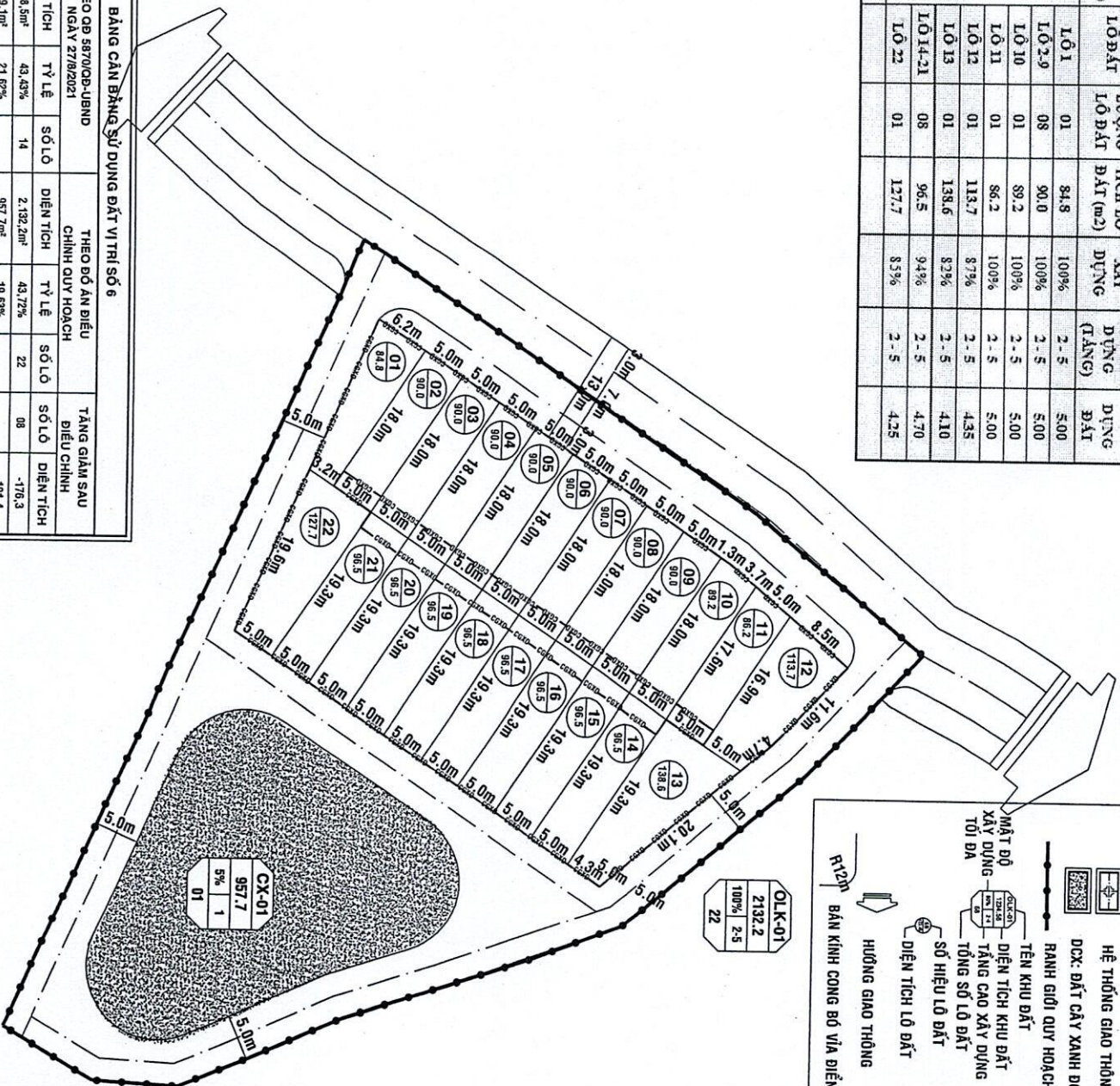


Lê Thị Minh Nhã



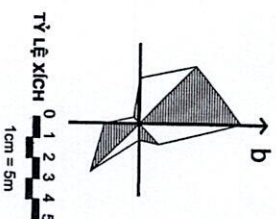
BẢNG THÔNG KÊ CHI TIẾT LÔ ĐẤT Ở QUY HOẠCH						
TÊN KHU ĐẤT	TỔNG SỐ LÔ ĐẤT	TỔNG DIỆN LÔ ĐẤT (m ²)	KỶ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LƯỢNG LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m ²)	MẬT ĐỘ CAO XÂY DỰNG (TẦNG)
OLK-01	22	2132.20	LÔ 01	01	84.8	100%
			LÔ 2-9	08	90.0	100%
			LÔ 10	01	89.2	100%
			LÔ 11	01	86.2	100%
			LÔ 12	01	113.7	87%
			LÔ 13	01	138.6	82%
			LÔ 14-21	08	96.5	94%
			LÔ 22	01	127.7	83%
TỔNG CỘNG	22	2132.20				

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT VỊ TRÍ SỐ 6					
THEO QP 5870/QP-UBND NGÀY 27/8/2021			THEO ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH		TÀNG GIẢM SAU ĐIỀU CHỈNH
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH	TỶ LỆ	SỐ LÔ	SỐ LÔ
01	ĐẤT Ở	2.300,5m ²	43,43%	14	22
02	ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở	1.140,1m ²	21,62%	957,7m ²	19,63%
03	ĐẤT GIAO THÔNG + HTKT	1.857,8m ²	34,95%	1.787,5m ²	36,65%
TỔNG CỘNG		5.315,4m ²	100%	4.877,4m ²	100%



KÝ HIỆU

- OLK: ĐẤT Ở LIÊN KẾ
- HỆ THỐNG GIAO THÔNG
- DCX: ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở
- RẠNG GIỚI QUY HOẠCH
- TÊN KHU ĐẤT
- DIỆN TÍCH KHU ĐẤT
- TẦNG CAO XÂY DỰNG
- TỔNG SỐ LÔ ĐẤT
- SỐ HIỆU LÔ ĐẤT
- DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT
- HƯỚNG GIAO THÔNG
- BẢN KINH CÔNG BỐ VÀ BIỂU HÌNH



CƠ QUAN PHÊ Duyệt
UBND HUYỆN TUYÊN PHƯỚC

KÊM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY:
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN TUYÊN PHƯỚC

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY:
CHỦ ĐẦU TƯ
UBND XÃ PHƯỚC THÀNH

KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY:
BỘ AN
QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
VỊ TRÍ SỐ 06, 07, 08, 09 ĐIỂM DẠM CỤ NĂM 2020
TẠI XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUYÊN PHƯỚC
VỊ TRÍ SỐ: 06, 07, 08, 09 ĐIỂM DẠM CỤ NĂM 2020
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHƯỚC THÀNH, HUYỆN TUYÊN PHƯỚC.
TÊN BẢN VẼ
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

KÝ HIỆU: 03 / 07
THẺ HIỆN: K.S. PHẠM THANH TÂM
CHỦ TÌ THIẾT KẾ: THS.KTS. VÕ CÔNG TUẤN
CHỦ NHIỆM: K.S. VÕ VĂN TÁNG
TR. PHÒNG TƯ VẤN: THS.KS. BÌNH THỊ KIM VÂN
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: THS.KS. BÌNH THỊ KIM VÂN

GIÁM ĐỐC
THS.KTS. VÕ CÔNG TUẤN

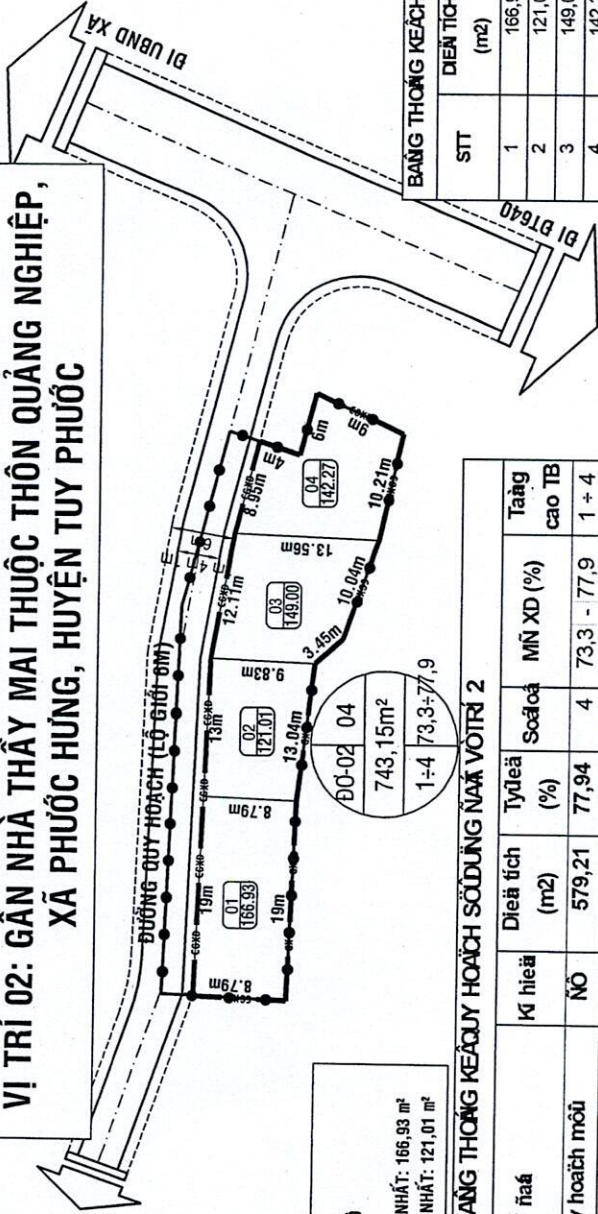
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG
HỘI QUY HOẠCH BÌNH ĐỊNH



Vị trí dưới nhà Huỳnh Sỹ ánh, thôn An Cửu, Phước Hưng



**VỊ TRÍ 02: GẦN NHÀ THẦY MAI THUỘC THÔN QUẢNG NGHIỆP,
XÃ PHƯỚC HƯNG, HUYỆN TUY PHƯỚC**



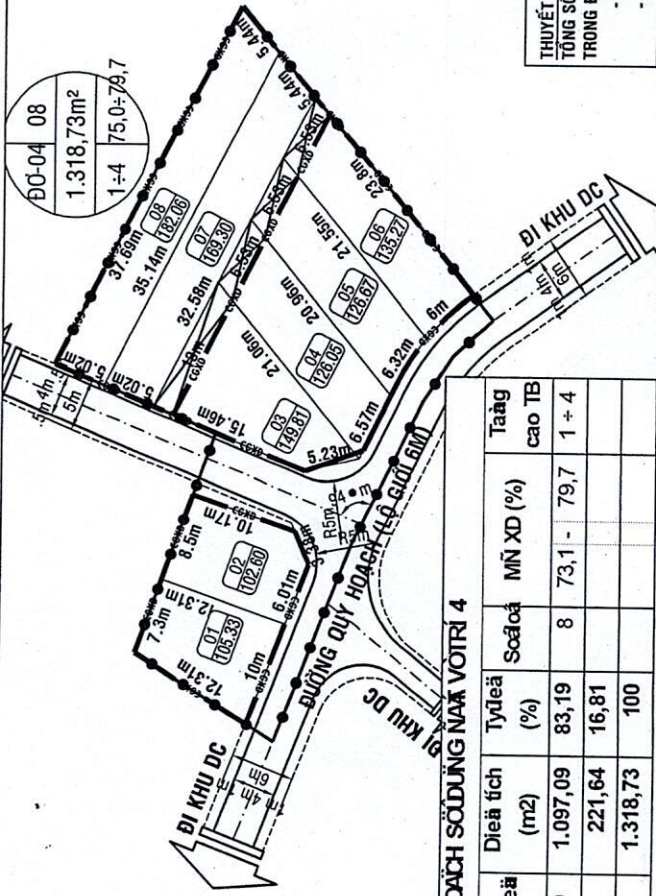
THUYẾT MINH VỊ TRÍ 2 :
TỔNG SỐ LÔ QUY HOẠCH: 04 LÔ
TRONG ĐÓ:
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH LỚN NHẤT: 166,93 m²
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH NHỎ NHẤT: 121,01 m²

BẢNG THÔNG KẾ QUY HOẠCH SỐ DƯNG NÀM VỚI TRÍ 2

TT	Loại nhà	Kí hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Số nhà	MN XD (%)	Tầng cao TB
I	Nhà ở nông thôn quy hoạch mới	N0	579,21	77,94	4	73,3 - 77,9	1 + 4
II	Nhà ở nông thôn giao thông		163,94	22,06			
	Tổng cộng		743,15	100			

STT	DIỆN TÍCH (m²)	MẬT ĐỘ TANG CAO H/SQ XD (%)	SỐ TẦNG (tầng)	SỐ LÔ
1	166,93	73,3	1 + 4	2,9
2	121,01	77,9	1 + 4	3,1
3	149,00	75,1	1 + 4	3,0
4	142,27	75,8	1 + 4	3,0
TỔNG CỘNG	579,21			
SỐ LÔ	4			

**VỊ TRÍ 04: DƯỚI NHÀ ÔNG TRƯỞNG THANH TUẤN THUỘC THÔN NHỎ LÂM,
XÃ PHƯỚC HƯNG, HUYỆN TUY PHƯỚC**



STT	DIỆN TÍCH (m²)	MẬT ĐỘ TANG CAO H/SQ XD (%)	SỐ TẦNG (tầng)	SỐ LÔ
1	105,33	79,5	1 + 4	3,2
2	102,6	79,7	1 + 4	3,2
3	149,81	75,0	1 + 4	3,0
4	126,05	77,4	1 + 4	3,1
5	126,67	77,3	1 + 4	3,1
6	135,27	76,5	1 + 4	3,1
7	169,3	73,1	1 + 4	2,9
8	182,06	71,8	1 + 4	2,9
TỔNG CỘNG	1097,09			
SỐ LÔ	8			

BẢNG THÔNG KẾ QUY HOẠCH SỐ DƯNG NÀM VỚI TRÍ 4

TT	Loại nhà	Kí hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Số nhà	MN XD (%)	Tầng cao TB
I	Nhà ở nông thôn quy hoạch mới	N0	1.097,09	83,19	8	73,1 - 79,7	1 + 4
II	Nhà ở nông thôn giao thông		221,64	16,81			
	Tổng cộng		1.318,73	100			

THUYẾT MINH VỊ TRÍ 4 :
TỔNG SỐ LÔ QUY HOẠCH: 08 LÔ
TRONG ĐÓ:
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH LỚN NHẤT: 182,06 m²
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH NHỎ NHẤT: 102,60 m²

THUYẾT MINH VỊ TRÍ 01:
TỔNG SỐ LÔ QUY HOẠCH: 08 LÔ
TRONG ĐÓ:
 - LÔ CÓ DIỆN TÍCH LỚN NHẤT: 168,64 m²
 - LÔ CÓ DIỆN TÍCH NHỎ NHẤT: 109,56 m²
 QUY MÔ DÂN SỐ: 32 NGƯỜI (08 LÔ x 4 NGƯỜI/LÔ)

STT LÔ	DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ LÔ	MÃ SỐ TANG CAO HẸO XD (%)	SỐ Đ (tầng)
1	150,97	1	79,8	1÷4
2	128,76	1	84,2	1÷4
3	130,78	1	83,8	1÷4
4	168,64	1	76,3	1÷4
5	113,8	1	87,2	1÷4
6	109,56	1	88,1	1÷4
7	116,41	1	86,7	1÷4
8	125,66	1	84,9	1÷4
TỔNG CỘNG:	1044,58	8		
SỐ LÔ	8			

TỔNG SỐ LÔ QUY HOẠCH: 08 LÔ

- LÔ CÓ DIỆN TÍCH LỚN NHẤT: 168,64 m²
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH NHỎ NHẤT: 109,56 m²

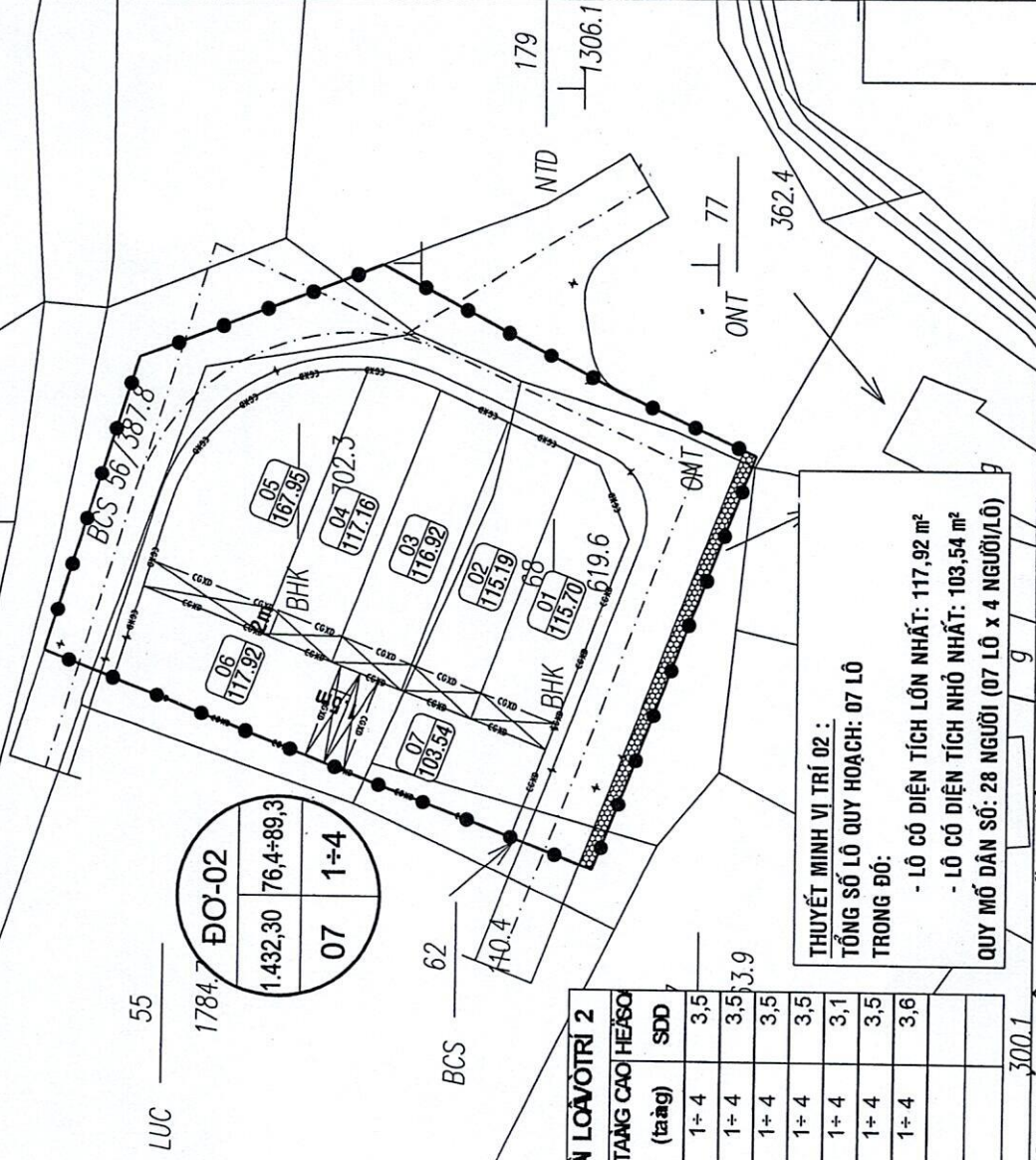
QUY MÔ DÂN SỐ: 32 NGƯỜI / 08 LÔ x 4 NGƯỜI / LÔ

QUY MÔ DÂN SỐ: 32 NGƯỜI (08 LÔ x 4 NGƯỜI/LÔ)

STT LỎA	DIỆN TÍCH (m ²)	SOÁ LỎA	MAİL NƠI TẮNG CAO (tàng)	SDD	HE SƠ
1	150,97	1	79,8	1 + 4	3,2
2	128,76	1	84,2	1 + 4	3,4
3	130,78	1	83,8	1 + 4	3,4
4	168,64	1	76,3	1 + 4	3,1
5	113,8	1	87,2	1 + 4	3,5
6	109,56	1	88,1	1 + 4	3,5
7	116,41	1	86,7	1 + 4	3,5
8	125,66	1	84,9	1 + 4	3,4
TỔNG CỘNG:	1044,58	8			
SOÁ LỎA	8				

STT LỎA	DIỆN TÍCH (m ²)	SOÁ LỎA	MAİL NƠI TẮNG CAO (tàng)	SDD	HE SƠ
1	150,97	1	79,8	1 + 4	3,2
2	128,76	1	84,2	1 + 4	3,4
3	130,78	1	83,8	1 + 4	3,4
4	168,64	1	76,3	1 + 4	3,1
5	113,8	1	87,2	1 + 4	3,5
6	109,56	1	88,1	1 + 4	3,5
7	116,41	1	86,7	1 + 4	3,5
8	125,66	1	84,9	1 + 4	3,4
TỔNG CỘNG:	1044,58	8			
SOÁ LỎA	8				

VỊ TRÍ 02: KHU DÂN CƯ SAU NHÀ ÔNG LÊ VĂN THẠO THÔN THỌ NGHĨA,
XÃ PHƯỚC NGHĨA, HUYỆN TUY PHƯỚC



THUYẾT MINH VỊ TRÍ 02 :
TỔNG SỐ LÔ QUY HOẠCH: 07 LÔ
TRONG ĐÓ:
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH LỚN NHẤT: 117,92 m²
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH NHỎ NHẤT: 103,54 m²
QUY MÔ DÂN SỐ: 28 NGƯỜI (07 LÔ x 4 NGƯỜI/LÔ)

BẢNG THÔNG KẾCHỈ TIÊU PHÂN LÔ VỊ TRÍ 2				
STT	DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ LÔ	MẬT ĐỘ TẠNG CAO HẸO (XD (%))	SDD (tầng)
1	115,70	1	86,9	1 ÷ 4
2	115,19	1	87,0	1 ÷ 4
3	116,92	1	86,6	1 ÷ 4
4	117,16	1	86,6	1 ÷ 4
5	167,95	1	76,4	1 ÷ 4
6	117,92	1	86,4	1 ÷ 4
7	103,54	1	89,3	1 ÷ 4
TỔNG CỘNG	854,38	7		
SỐ LÔ	7			

BẢNG THÔNG KẾCHỈ TIÊU SỬ DỤNG NHÀ VỊ TRÍ 2

TT	Loại nhà	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số nhà	Mật độ (%)	Tầng cao TB
I	Nhà ở nông thôn quy hoạch môi	NỖ	854,38	59,7	7	76,4 - 89,3	1 ÷ 4
II	Nhà hai tầng kỹ thuật (Mở rộng)	KT	32,61	2,3			
III	Nhà ở nông thôn giao thông		545,31	38,1			
	Tổng cộng		1.432,30	100			

VỊ TRÍ 06: KHU DÂN CƯ DƯỚI AO CÁ HUỖNH MAI THUỘC THÔN HUỖNH MAI,
XÃ PHƯỚC NGHĨA, HUYỆN TUY PHƯỚC

THUYẾT MINH VỊ TRÍ 06 :

TỔNG SỐ LÔ QUY HOẠCH: 09 LÔ
TRONG ĐÓ:

- LÔ CÓ DIỆN TÍCH LỚN NHẤT: 260,37m²
- LÔ CÓ DIỆN TÍCH NHỎ NHẤT: 125,50m²

QUY MÔ DÂN SỐ: 36 NGƯỜI (09 LÔ x 4 NGƯỜI/LÔ)

BẢNG THÔNG KẾCH TIẾT PHÂN LÔ VỊ TRÍ 6

STT	DIỆN TÍCH (m ²)	SỐ LÔ	MAI NỘI TANG CAO XD (%)	TANG CAO (tầng)	HE SỐ
1	175,51	1	74,9	1÷4	3,0
2	144,4	1	81,1	1÷4	3,2
3	138,1	1	82,4	1÷4	3,3
4	131,8	1	83,6	1÷4	3,3
5	125,5	1	84,9	1÷4	3,4
6	168,47	1	76,3	1÷4	3,1
7	183,22	1	73,4	1÷4	2,9
8	186,1	1	72,8	1÷4	2,9
9	260,37	1	64,0	1÷4	2,6
TỔNG CỘNG		1513,47	9		
		SỐ LÔ	9		

BẢNG THÔNG KẾCH TIẾT PHÂN LÔ VỊ TRÍ 6

TT	Loại nhà	Kí hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Tầng cao
I	Nhà ở nông thôn quy hoạch môi	NƠ	1.513,47	85,2	9	64,0 - 84,9	1÷4
II	Nhà hai tầng kỹ thuật (Mởng thoáng)	KT	49,99	2,8			
III	Nhà ở nông thôn giao thông		212,80	12,0			
Tổng cộng			1.776,26	100,0			

